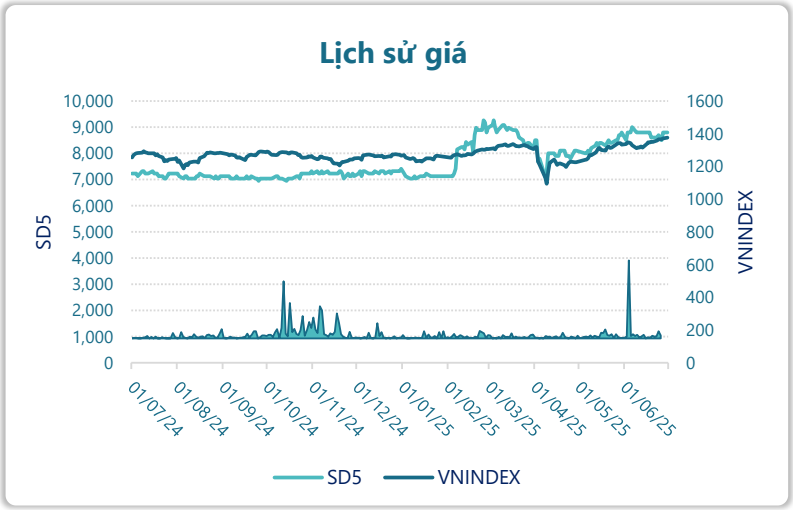
FireAnt

CTCP Sông Đà 5 (HNX: SD5)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,263
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,947
SL cổ phiếu LH	25,999,848
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,340
% sở hữu nước ngoài	2.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	229
P/E	8.6
EPS	1,028

DT thuần

Q2/25

1,060

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 258| 32.2%

YoY: ▲ 283| 36.5%

LN sau thuế

Q2/25

8.61

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.74| 9.4%

YoY: ▲ 1.76| 25.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

1.4%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

6T 2025

1,862

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 531| 39.9%

LN sau thuế

6T 2025

16.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.10| 23.0%

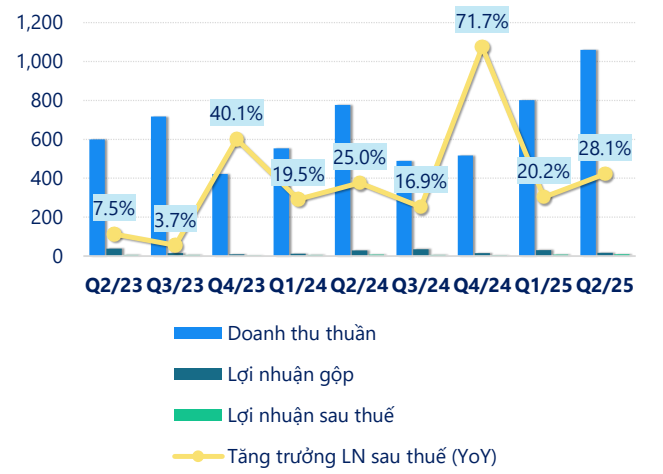
ROE

Q2/25

5.7%

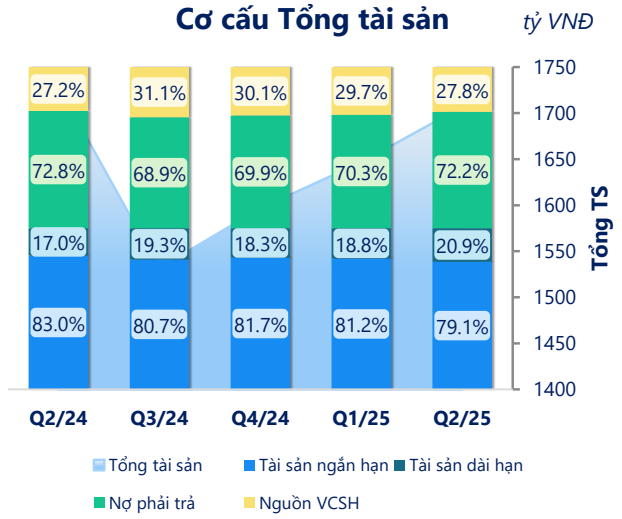
+/- YoY: ▲ 0.8%

Kết quả kinh doanh



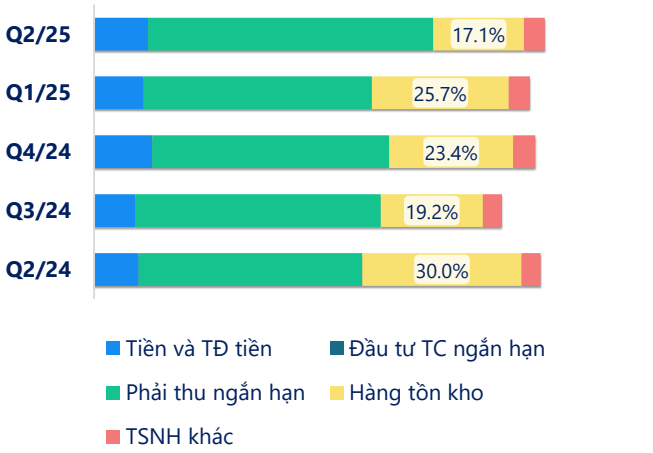
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



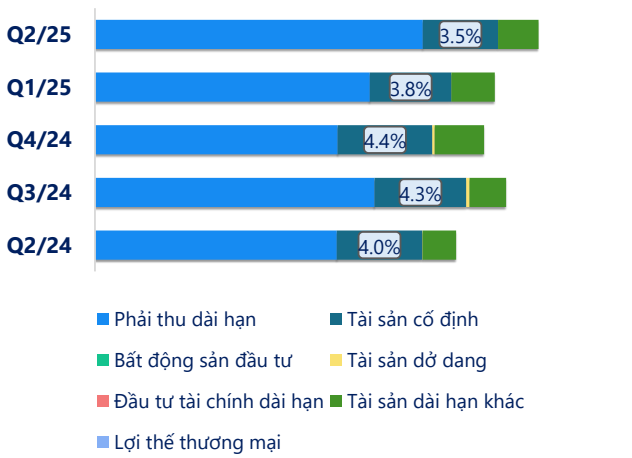
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



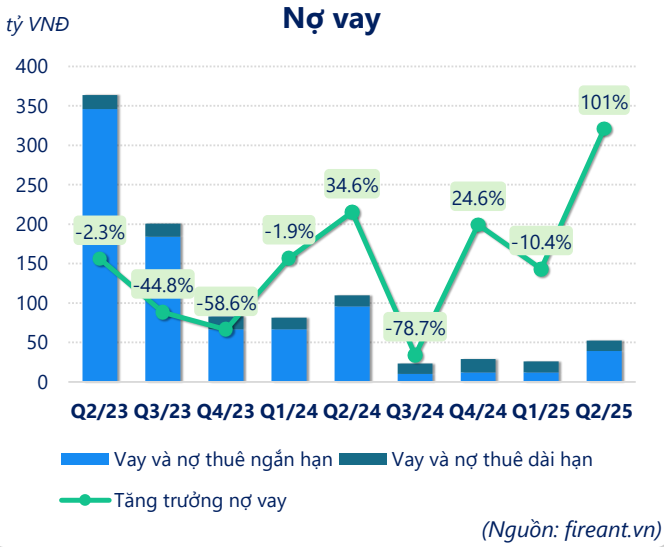
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



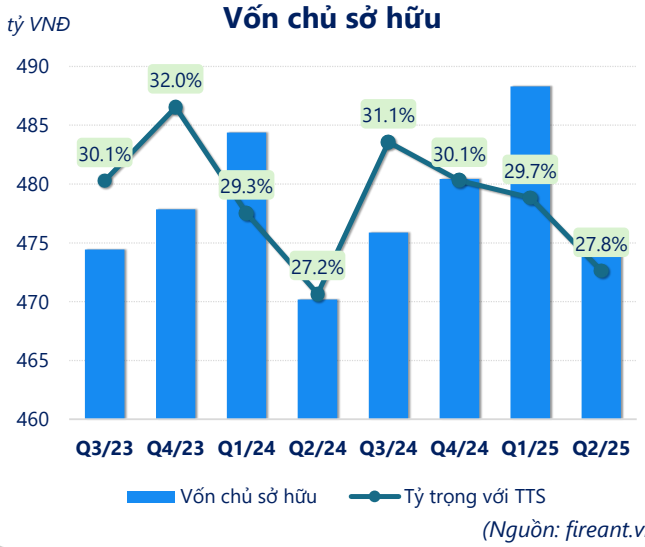
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



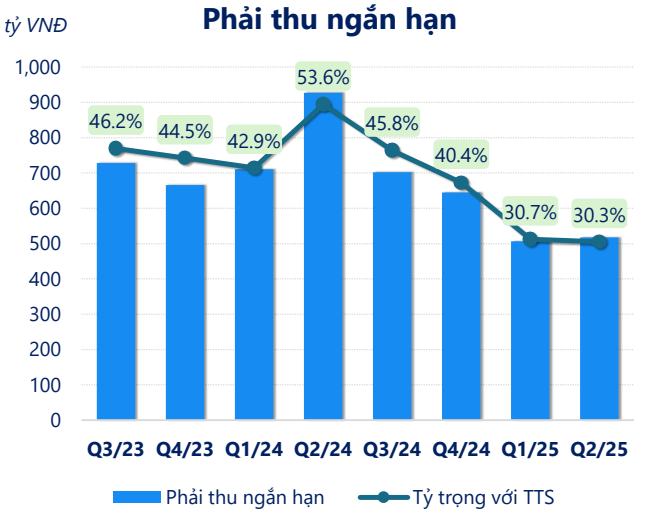
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



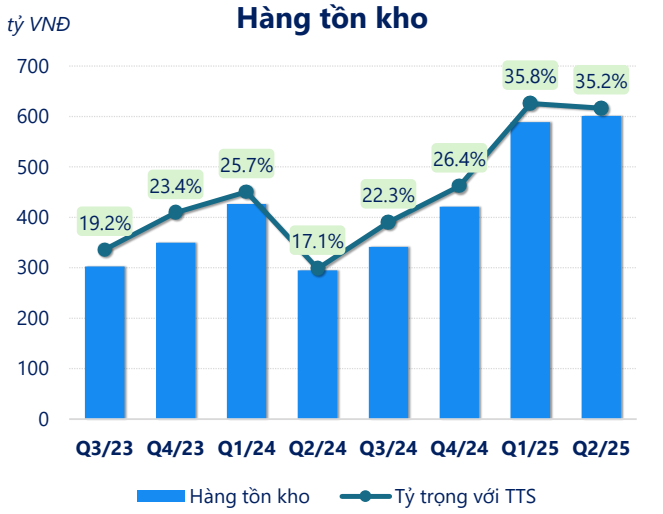
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



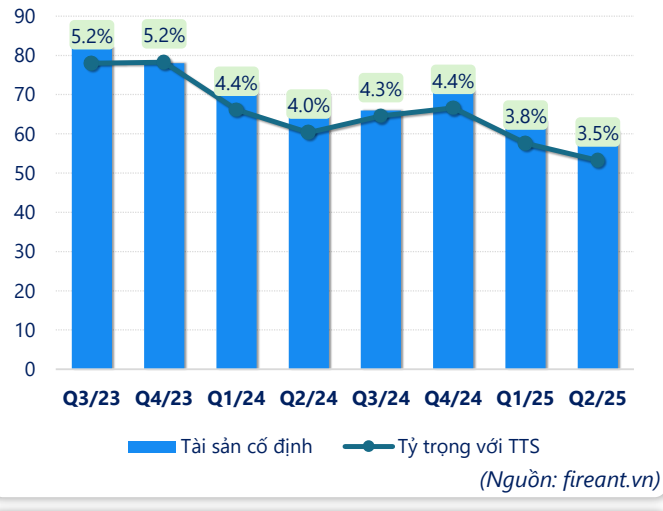
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



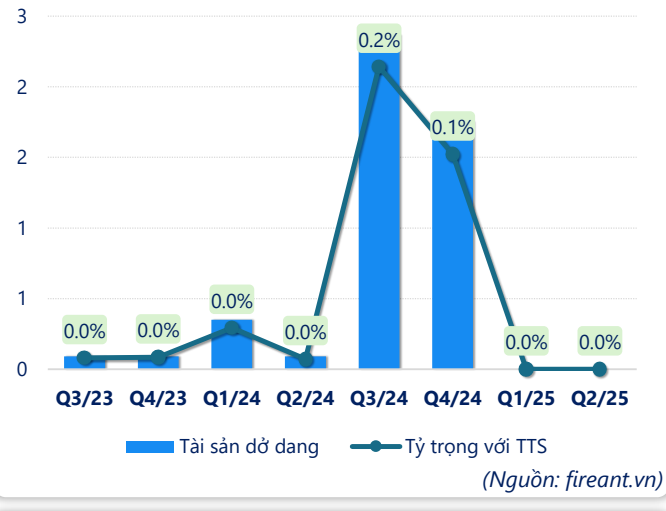
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



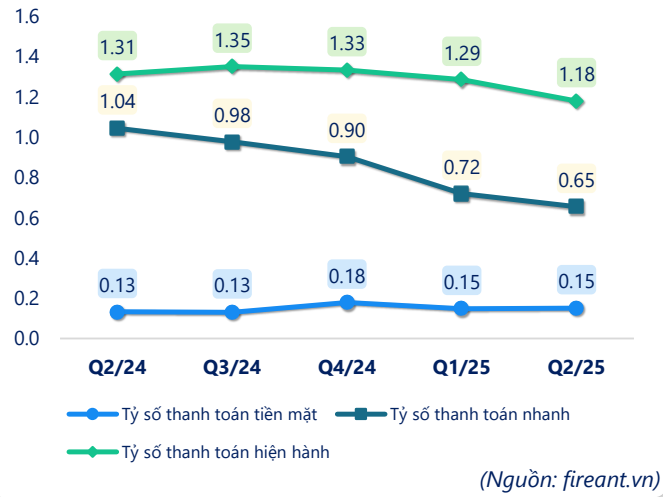
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



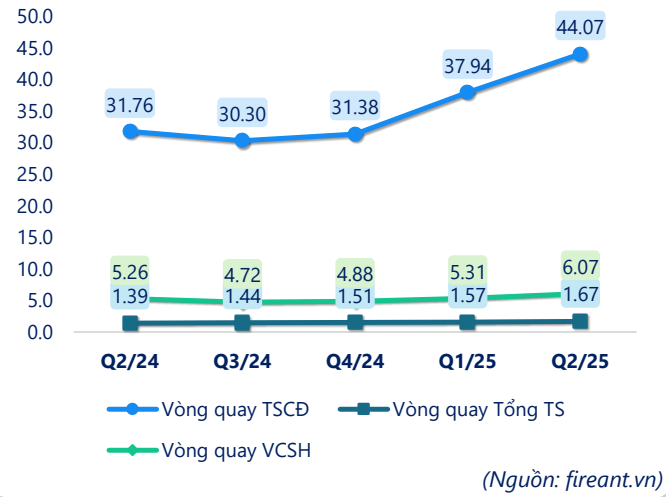
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,729**	**1,532**	**1,597**	**1,647**	**1,707**
Tài sản ngắn hạn	**1,435**	**1,236**	**1,305**	**1,337**	**1,351**
Tiền và tương đương tiền	145	119	175	154	173
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	8.51	8.51
Phải thu ngắn hạn	927	702	645	506	517
Hàng tồn kho	295	342	421	589	601
Tài sản ngắn hạn khác	68.2	73.0	63.8	80.0	50.5
Tài sản dài hạn	**294**	**296**	**292**	**310**	**356**
Phải thu dài hạn	196	201	182	213	263
Tài sản cố định	69.6	65.9	71.0	63.2	60.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.09	2.36	1.75	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	27.5	26.3	37.1	33.6	32.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,259**	**1,056**	**1,116**	**1,159**	**1,232**
Nợ ngắn hạn	**1,092**	**915**	**978**	**1,040**	**1,145**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	95.8	10.0	12.0	12.0	39.4
Phải trả người bán ngắn hạn	122	113	166	282	341
Nợ dài hạn	167	141	138	119	87.6
Vay và nợ thuê dài hạn	13.8	13.3	17.0	14.0	12.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**470**	**476**	**480**	**488**	**474**
Vốn chủ sở hữu	**470**	**476**	**480**	**488**	**474**
Vốn điều lệ	260	260	260	260	260
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)